

## 【山口県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指 定 野 菜	キャベツ	316	8,520	7,040	98	84	85
	春キャベツ	111	2,840	2,340	97	78	80
	夏秋キャベツ	27	...	...	nc	nc	nc
	冬キャベツ	178	5,360	4,470	100	88	88
	きゅうり	136	3,480	2,460	99	101	101
	冬春きゅうり	11	836	751	100	102	103
	夏秋きゅうり	125	2,640	1,710	98	100	101
	さといも	162	1,170	897	98	89	82
	秋冬さといも	162	1,170	897	98	89	82
	その他さといも	-	...	...	nc	nc	nc
	だいこん	402	10,500	7,330	100	95	94
	春だいこん	74	2,100	1,710	100	96	97
	夏だいこん	46	874	714	100	97	87
	秋冬だいこん	282	7,500	4,910	99	93	94
	たまねぎ	197	6,780	4,770	96	106	115
	トマト	129	4,640	3,730	100	97	99
	ミニトマト	12	328	235	100	95	89
	加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	冬春トマト	26	...	...	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	4	...	...	nc	nc	nc
	夏秋トマト	103	3,110	2,410	99	93	96
	夏秋ミニトマト	8	154	80	100	93	94
	夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	なす	135	2,360	1,620	98	114	115
	冬春なす	1	...	...	nc	nc	nc
	夏秋なす	134	2,320	1,590	98	114	115
	にんじん	63	...	...	nc	nc	nc
	春夏にんじん	9	...	...	nc	nc	nc
	秋にんじん	3	...	...	nc	nc	nc
	冬にんじん	51	...	...	nc	nc	nc
	ねぎ	172	...	...	nc	nc	nc
	春ねぎ	40	...	...	nc	nc	nc
	夏ねぎ	39	...	...	nc	nc	nc
秋冬ねぎ	93	...	...	nc	nc	nc	
はくさい	212	5,080	3,170	97	93	88	
春はくさい	12	308	229	100	94	105	
夏はくさい	7	...	...	nc	nc	nc	
秋冬はくさい	193	4,610	2,850	97	94	88	
ばれいしょ	228	...	...	nc	nc	nc	
春ばれいしょ	166	...	...	nc	nc	nc	
秋ばれいしょ	62	...	...	nc	nc	nc	
ピーマン(ししとう舎)	36	456	324	97	121	113	
冬春ピーマン	1	...	...	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	35	452	321	97	122	114	
ほうれんそう	207	1,760	1,300	97	96	104	

	レタス(サラダ菜含)	99	…	…	nc	nc	nc
	サラダ菜	14	…	…	nc	nc	nc
	春レタス(サラダ菜含)	28	…	…	nc	nc	nc
	春サラダ菜	9	…	…	nc	nc	nc
	夏秋レタス(サラダ菜含)	17	…	…	nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜	3	…	…	nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)	54	…	…	nc	nc	nc
	冬サラダ菜	2	…	…	nc	nc	nc
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
特 定 野 菜	アスパラガス	13	…	…	nc	nc	nc
	いちご	102	2,140	1,710	98	90	93
	えだまめ	61	…	…	nc	nc	nc
	かぶ	46	…	…	nc	nc	nc
	かぼちゃ	98	771	470	92	90	93
	カリフラワー	8	…	…	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…	-	nc	nc	-
	グリーンピース	5	…	…	nc	nc	nc
	ごぼう	30	…	…	nc	nc	nc
	こまつな	23	…	…	nc	nc	nc
	さやいんげん	28	…	…	nc	nc	nc
	さやえんどう	20	…	…	nc	nc	nc
	ししとう	3	32	18	100	107	113
	冬春ししとう	0	…	…	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	3	32	18	100	107	113
	しゅんぎく	25	260	151	86	75	73
	しょうが	2	…	…	nc	nc	nc
	スイートコーン	27	…	…	nc	nc	nc
	すいか	89	1,540	982	98	91	85
	セルリー	-	…	…	nc	nc	nc
	そらまめ	16	…	…	nc	nc	nc
	ちんげんさい	7	…	…	nc	nc	nc
	にら	1	…	…	nc	nc	nc
	にんにく	8	…	…	nc	nc	nc
	ふき	4	…	…	nc	nc	nc
	ブロッコリー	120	804	744	98	102	111
	みずな	6	…	…	nc	nc	nc
	みつば	1	…	…	nc	nc	nc
	メロン	18	…	…	nc	nc	nc
	温室メロン	-	…	…	nc	nc	nc
	やまのいも	12	…	…	nc	nc	nc
	ながいも	-	…	…	nc	nc	nc
れんこん	205	2,480	2,240	99	83	84	

資料：農林水産省「令和元年産野菜生産出荷統計」及び「令和元年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能